

147

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 16  
H: 3

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch thương mại nâng cao  
(22438502)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

NT. Hùng Bưu Thị Huệ

Phan Thị Châu

Nguyễn Thanh Loan

C. Loan

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Anh   | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2122240171 | Nguyễn Ngọc Trâm | Anh   | 07/11/2003 | CCQ2224F | 01          |           | 7,9        | 6,6         | 7,1     |         |
| 2   | 2121240050 | Trần Ngọc Phương | Anh   | 17/05/2002 | CCQ2124B | 01          |           | 7,5        | 4,8         | 5,9     |         |
| 3   | 2121240161 | Trần Thị Tuyết   | Anh   | 19/06/2003 | CCQ2124F | 01          |           | 6,0        | 3,8         | 4,7     | HL      |
| 4   | 2122240139 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh   | 30/01/2004 | CCQ2224E | 01          |           | 6,7        | 6,7         | 6,7     |         |
| 5   | 2122240193 | Dương Thị Bảo    | Chân  | 26/12/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 7,1        | 7,2         | 7,2     |         |
| 6   | 2121240003 | Trần Thị Hồng    | Chi   | 03/07/2003 | CCQ2124A | 01          |           | 6,6        | 6,3         | 6,4     |         |
| 7   | 2121200094 | Lê Nguyễn Anh    | Đào   | 23/11/2002 | CCQ2124F | 01          |           | 5,8        | 6,8         | 6,4     |         |
| 8   | 2121200093 | Lê Nguyễn Hồng   | Đào   | 16/06/2001 | CCQ2124F | 01          |           | 8,2        | 7,9         | 8,0     |         |
| 9   | 2121240059 | Lê Thị           | Giang | 10/02/2003 | CCQ2124B | 01          |           | 7,4        | 4,5         | 5,7     |         |
| 10  | 2122240175 | Lã Thị Thu       | Hà    | 19/01/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 7,4        | 6,5         | 6,9     |         |
| 11  | 2122240141 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | 23/02/2004 | CCQ2224E | 01          |           | 8,7        | 7,0         | 7,7     |         |
| 12  | 2122240182 | Thân Ngọc        | Hân   | 08/01/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 6,7        | 7,6         | 7,2     |         |
| 13  | 2122240186 | Lê Đỗ Quốc       | Hùng  | 04/04/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 9,1        | 6,8         | 7,7     |         |
| 14  | 2122240164 | Phạm Gia Kỳ      | Hương | 27/06/2004 | CCQ2224E | 01          |           | 6,2        | 5,2         | 5,6     |         |
| 15  | 2122240174 | Hà Thanh         | Huyền | 10/08/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 8,2        | 9,5         | 9,0     |         |
| 16  | 2122240176 | Huỳnh Quốc       | Khải  | 02/08/2004 | CCQ2224F | 01          |           | 6,6        | 6,5         | 6,5     |         |
| 17  | 2122240133 | Lâm Trung        | Kiên  | 17/10/2004 | CCQ2224E | 01          |           | 5,0        | 4,1         | 4,5     | HL      |
| 18  | 2122240183 | Nguyễn Thị Ngọc  | Loan  | 29/05/2004 | CCQ2224E | 01          |           | 8,4        | 8,5         | 8,5     |         |
| 19  | 2122240011 | Trần Thị         | Luyến | 25/08/2004 | CCQ2224A | 01          |           | 5,3        | 2,0         | 3,3     | HL      |

148

C.Loan

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 11  
H: 7

Môn học: Phiên dịch thương mại nâng cao  
(22438502)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi: ....18...

Số tờ giấy thi: ...18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Châu

Trần Phú

Phan Thị Châu

Nguyễn Thanh Sơn

| STT | Mã SV      | Họ và Tên                | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2122240189 | Ngô Thị Cẩm Ly           | 20/12/2003 | CCQ2224F |             |           | 6,8        | 7.0         | 6.9     |         |
| 2   | 2122240070 | Nguyễn Vũ Hà My          | 13/05/2004 | CCQ2224C |             |           | 7,8        | 1.3         | 3.9     | HL      |
| 3   | 2121240169 | Phan Thị Phương Nga      | 26/04/2002 | CCQ2124F |             |           | 7,0        | 6.2         | 6.5     |         |
| 4   | 2122240140 | Võ Thị Mỹ Ngọc           | 13/12/2004 | CCQ2224E |             |           | 4,4        | 4.3         | 4.3     | HL      |
| 5   | 2122240190 | Lê Hoàng Như             | 20/12/2004 | CCQ2224F |             |           | 6,9        | 8.7         | 8.0     |         |
| 6   | 2122240179 | Trần Lệ Quỳnh            | 10/12/2004 | CCQ2224F |             |           | 4,5        | 5.3         | 5.0     |         |
| 7   | 2122240177 | Nguyễn Thị Lệ Sương      | 26/01/2004 | CCQ2224F |             |           | 4,5        | 4.7         | 4.6     | HL      |
| 8   | 2122240178 | Phạm Lê Phương Thảo      | 13/08/2004 | CCQ2224F |             |           | 6,3        | 6.9         | 6.7     |         |
| 9   | 2122240204 | Huỳnh Thị Kiều Thịnh     | 12/04/2004 | CCQ2224C |             |           | 2,8        | 0.4         | 1.4     | HL      |
| 10  | 2122240102 | Nguyễn Thị Thủy          | 02/01/2004 | CCQ2224D |             |           | 8,0        | 5.4         | 6.4     |         |
| 11  | 2122240093 | Nguyễn Ngọc Phương Trinh | 23/06/2004 | CCQ2224D |             |           | 4,4        | 4.4         | 4.4     | HL      |
| 12  | 2122240088 | Nguyễn Cẩm Tú            | 01/06/2004 | CCQ2224C |             |           | 4,3        | 4.4         | 4.4     | HL      |
| 13  | 2121240166 | Nguyễn Thanh Tùng        | 09/12/2003 | CCQ2124F |             |           | 6,1        | 6.5         | 6.3     |         |
| 14  | 2122240161 | Nguyễn Ngọc Tuyền        | 17/11/2004 | CCQ2224C |             |           | 8,1        | 5.0         | 6.2     |         |
| 15  | 2122240195 | Thái Kim Phương Uyên     | 27/10/2004 | CCQ2224F |             |           | 7,2        | 5.8         | 6.4     |         |
| 16  | 2122240187 | Phạm Thị Thùy Vân        | 28/10/2004 | CCQ2224F |             |           | 6,7        | 6.8         | 6.8     |         |
| 17  | 2122240064 | Trương Thị Ngân Vy       | 01/02/2003 | CCQ2224C |             |           | 3,6        |             |         |         |
| 18  | 2122240037 | Võ Tường Vy              | 31/01/2004 | CCQ2224B |             |           | 5,0        | 5.2         | 5.1     |         |
| 19  | 2122240196 | Hoàng Thị Yên            | 17/10/2004 | CCQ2224F |             |           | 4,6        | 4.7         | 4.7     | HL      |